

TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG



Sinh Giáo Dục

Tương lai trong tầm tay con



SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG CỦA TỔNG CÔNG TY BẢO VIỆT NHÂN THỌ
NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM: BẢO HIỂM LIÊN KẾT ĐẦU TƯ

Tổng Công ty Bảo Việt Nhân thọ

Lĩnh vực kinh doanh: các loại hình bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe; nhận và nhượng tái bảo hiểm nhân thọ; đầu tư tài chính; các hoạt động kinh doanh khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: số 46/GP/KDBH ngày 23/11/2007. **Vốn Điều lệ:** 6.000 tỷ đồng.

Trụ sở chính: Tầng 37 Keangnam Hanoi Landmark Tower, Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng đài: 18006966 nhánh 1/*1166/1900558899 nhánh 4 | **Fax:** 024.35770958

Email: baovietnhantho@baoviet.com.vn | **Website:** www.baovietnhantho.com.vn

Tư vấn viên: <Họ tên TVV>

Mã số: 123456789

Địa chỉ liên hệ:

Công ty Bảo Việt Nhân thọ Hà Nội,
94 Bà Triệu, Hà Nội.

THÔNG TIN CƠ BẢN

I. Thông tin Khách hàng

Thông tin Bên mua bảo hiểm

Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nghề nghiệp
Nguyễn Văn B	00/00/0000	Nam/Nữ	

Thông tin Người được bảo hiểm

Họ và tên	Ngày sinh	Tuổi được bảo hiểm	Giới tính	Nghề nghiệp
Nguyễn Văn A	00/00/0000	0	Nam/Nữ	 Nhóm nghề nghiệp: 1
Nguyễn Văn B	00/00/0000	00	Nam/Nữ	 Nhóm nghề nghiệp: 1
Nguyễn Văn C	00/00/0000	00	Nam/Nữ	 Nhóm nghề nghiệp: 1

II. THÔNG TIN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- Thời hạn hợp đồng: ... năm (tương ứng với lựa chọn đáo hạn khi Người được bảo hiểm đạt ... tuổi)
- Thời hạn đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm chính: Bằng Thời hạn hợp đồng
- Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc của Sản phẩm chính: 04 Năm hợp đồng đầu tiên
- Thời hạn đóng phí bảo hiểm dự kiến của Sản phẩm chính: ... năm

- 5. Định kỳ đóng phí bảo hiểm: năm/6 tháng/quý
- 6. Thông tin về các Sản phẩm bảo hiểm:

	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm/ Giới hạn bảo hiểm tối đa (đồng)	Tỉ lệ phí phụ trội	Phí bảo hiểm cơ bản/ Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
I. Sản phẩm bảo hiểm tham gia của Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A				
1. Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC	... năm	Số tiền bảo hiểm gốc: 000.000.000.000	X%	000.000.000
2. Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
3. Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
4. Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
5. Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
6. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Điều trị Nội trú Bạch kim (BV- NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Điều trị Ngoại trú Bạch kim (BV- NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000

	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm/ Giới hạn bảo hiểm tối đa (đồng)	Tỉ lệ phí phụ trội	Phí bảo hiểm cơ bản/ Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Nha Khoa Bạch kim (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Thai sản Bạch kim (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
7. Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm (BV-NR27)	Thời hạn bảo hiểm 1 năm, cam kết tái tục hàng năm trừ các trường hợp quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm, tái tục tối đa không quá Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm là năm		X%	000.000.000
8. Bảo hiểm Trợ cấp viện phí và phẫu thuật (BV-NR29)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000

II. Sản phẩm bảo hiểm tham gia của Người được bảo hiểm: **Nguyễn Văn B**

1. Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do Tai nạn đối với Bên mua bảo hiểm của Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC	... năm	50% Số tiền bảo hiểm gia tăng, tối đa 200 triệu đồng		
Quyền lợi bảo hiểm Tử vong do Tai nạn đối với Bên mua bảo hiểm của Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC	Không chấp nhận bảo hiểm			

	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm/ Giới hạn bảo hiểm tối đa (đồng)	Tỉ lệ phí phụ trội	Phí bảo hiểm cơ bản/ Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
2. Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
3. Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
4. Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
5. Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do tử vong (BV-NR24)	... năm		X%	000.000.000
6. Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
7. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Điều trị Nội trú Vàng (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Điều trị Ngoại trú Vàng (BV- NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Nha Khoa Vàng (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Thai sản Vàng (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000

	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm/ Giới hạn bảo hiểm tối đa (đồng)	Tỉ lệ phí phụ trội	Phí bảo hiểm cơ bản/ Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
8. Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28)	Thời hạn bảo hiểm 1 năm, cam kết tái tục hàng năm trừ các trường hợp quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm, tái tục tối đa không quá Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm là năm		X%	000.000.000
9. Bảo hiểm Trợ cấp viện phí và phẫu thuật (BV-NR29)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
III. Sản phẩm bảo hiểm tham gia của Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn C				
1. Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
2. Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
3. Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
4. Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000
5. Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện - Quyền lợi Điều trị Nội trú Bạc (BV-NR26)	1 năm, xem xét tái tục hàng năm	000.000.000	X%	000.000.000

	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm/ Giới hạn bảo hiểm tối đa (đồng)	Tỉ lệ phí phụ trội	Phí bảo hiểm cơ bản/ Phí bảo hiểm định kỳ (đồng)
6. Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28)	Thời hạn bảo hiểm 1 năm, cam kết tái tục hàng năm trừ các trường hợp quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm, tái tục tối đa không quá Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm là năm		X%	000.000.000
Tổng Phí bảo hiểm theo định kỳ của Sản phẩm chính và Sản phẩm bán kèm (nếu có) áp dụng trong Năm hợp đồng thứ nhất (**) (a)				000.000.000.000
Phí bảo hiểm đóng thêm định kỳ dự kiến của Sản phẩm chính (b)				000.000.000.000
Tổng Phí bảo hiểm dự kiến theo định kỳ của Hợp đồng bảo hiểm áp dụng trong Năm hợp đồng thứ nhất (**) (c) = (a) + (b)				000.000.000.000

(**) Mức phí bảo hiểm các năm sau có thể thay đổi phụ thuộc vào Sản phẩm lựa chọn.

Lưu ý:

- Trong Hợp đồng bảo hiểm này, Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21), Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22), Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23), Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do tử vong (BV-NR24), Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25), Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện (BV-NR26), Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm (BV-NR27), Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28), Bảo hiểm Trợ cấp viện phí và phẫu thuật (BV-NR29) là Sản phẩm bán kèm được gắn cùng với Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC. Việc tham gia Sản phẩm bán kèm không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia Sản phẩm chính.
- Thời hạn đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC:
 - + Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc: trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên, Bên mua bảo hiểm phải đóng đầy đủ và đúng hạn Phí bảo hiểm cơ bản. Ngoài Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc, Bên mua bảo hiểm có thể đóng phí bảo hiểm linh hoạt kể từ Năm hợp đồng thứ 05, tuy nhiên việc giảm phí bảo hiểm hoặc tạm ngừng đóng phí bảo hiểm có thể làm Hợp đồng mất hiệu lực.
 - + Thời hạn đóng phí bảo hiểm dự kiến của Sản phẩm chính BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC là thời hạn Bên mua bảo hiểm dự định đóng Phí bảo hiểm cơ bản. Sau khi kết thúc Thời hạn đóng phí bảo hiểm dự kiến, Bên mua bảo hiểm có thể tiếp tục đóng phí bảo hiểm cho tới hết Thời hạn hợp đồng hoặc lựa chọn tạm ngừng đóng phí bảo hiểm.
- Đối với Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do tử vong (BV-NR24), thời hạn đóng phí bảo hiểm được xác định như sau:
 - + Nếu thời hạn bảo hiểm nhỏ hơn 10 năm, thời hạn đóng phí bảo hiểm ngắn hơn thời hạn bảo hiểm 01 năm;
 - + Nếu thời hạn bảo hiểm lớn hơn hoặc bằng 10 năm, thời hạn đóng phí bảo hiểm ngắn hơn thời hạn bảo hiểm 03 năm.
- Thời hạn đóng phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm bán kèm khác bằng thời hạn bảo hiểm.
- Thời hạn đóng phí của (các) Sản phẩm bán kèm bằng thời hạn bảo hiểm.
- Mức phí bảo hiểm của Sản phẩm Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22), Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23) được xác định tương ứng với Nghề nghiệp của Người được bảo hiểm.
- Đối với các Sản phẩm bán kèm có Phí bảo hiểm tái tục được thể hiện tại bảng Phí bảo hiểm tái tục trong tài liệu này, mức phí bảo hiểm tái tục thực tế có thể khác mức phí nêu tại bảng, tùy theo quy định tái tục riêng của từng Sản phẩm.
- Độ tuổi có thể được bảo hiểm của các Sản phẩm bán kèm:
 - + Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21):
 - Đối với Người được bảo hiểm của Sản phẩm chính: Độ tuổi tham gia bảo hiểm từ 0 đến 65 tuổi.
 - Đối với các Người được bảo hiểm khác: Độ tuổi tham gia bảo hiểm từ 18 đến 65 tuổi (quy định này được ưu tiên áp dụng so với Quy tắc, Điều khoản).
 - Tuổi tối đa được chấp nhận tái tục là 74 tuổi, trong đó việc tái tục từ tuổi 71 đến tuổi 74 chỉ được xem xét nếu đã tham gia liên tục ít nhất 05 năm liền trước thời điểm tái tục.

- Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của *Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm (BV-NR27), Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28)* tính từ ngày Sản phẩm phát sinh hiệu lực và giảm dần hàng năm theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.
- Phí bảo hiểm của các Sản phẩm trong tài liệu minh họa này làm tròn theo đơn vị đồng.
- Phương thức cung cấp sản phẩm phù hợp với quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm hiện hành.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC

STT	QUYỀN LỢI (QL)	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI																																												
	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM (QLBH) RỦI RO																																													
1	QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm Điều kiện nhận QL: Người được bảo hiểm tử vong trong khoảng thời gian kể từ ngày Bảo Việt Nhân thọ phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm đến trước khi kết thúc Thời hạn hợp đồng.	Nhận tổng các giá trị xác định tại (i) và (ii) dưới đây, sau khi trừ đi Khoản nợ (nếu có): (i) Giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: (a) Số tiền bảo hiểm gia tăng; (b) Giá trị Tài khoản Cơ bản; (c) 200% tổng Phí bảo hiểm cơ bản đã đóng (không có lãi), trừ đi các Khoản rút một phần Giá trị Tài khoản Cơ bản (nếu có). (ii) Giá trị Tài khoản Đóng thêm.																																												
2	QLBH Tử vong do Tai nạn đối với Bên mua bảo hiểm Điều kiện nhận QL: Bên mua bảo hiểm tử vong do Tai nạn trong khoảng thời gian kể từ ngày Bảo Việt Nhân thọ phát hành Giấy chứng nhận bảo hiểm đến hết ngày liền trước Ngày kỷ niệm hợp đồng khi Bên mua bảo hiểm đạt 70 tuổi. QL này chỉ được chi trả tối đa 01 lần trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng.	Nhận 50% Số tiền bảo hiểm gia tăng (tối đa 200 triệu đồng), trừ đi Khoản nợ (nếu có). Cụ thể như sau: <table><tr><th>Năm HĐ</th><th>Quyền lợi bảo hiểm</th><th>Năm HĐ</th><th>Quyền lợi bảo hiểm</th></tr><tr><td>1</td><td>000.000.000</td><td>2</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>000.000.000</td><td>4</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>5</td><td>000.000.000</td><td>6</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>7</td><td>000.000.000</td><td>8</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>9</td><td>000.000.000</td><td>10</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>11</td><td>000.000.000</td><td>12</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>13</td><td>000.000.000</td><td>14</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>15</td><td>000.000.000</td><td>16</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>17</td><td>000.000.000</td><td>18</td><td>000.000.000</td></tr><tr><td>19</td><td>000.000.000</td><td>20</td><td>000.000.000</td></tr></table>	Năm HĐ	Quyền lợi bảo hiểm	Năm HĐ	Quyền lợi bảo hiểm	1	000.000.000	2	000.000.000	3	000.000.000	4	000.000.000	5	000.000.000	6	000.000.000	7	000.000.000	8	000.000.000	9	000.000.000	10	000.000.000	11	000.000.000	12	000.000.000	13	000.000.000	14	000.000.000	15	000.000.000	16	000.000.000	17	000.000.000	18	000.000.000	19	000.000.000	20	000.000.000
Năm HĐ	Quyền lợi bảo hiểm	Năm HĐ	Quyền lợi bảo hiểm																																											
1	000.000.000	2	000.000.000																																											
3	000.000.000	4	000.000.000																																											
5	000.000.000	6	000.000.000																																											
7	000.000.000	8	000.000.000																																											
9	000.000.000	10	000.000.000																																											
11	000.000.000	12	000.000.000																																											
13	000.000.000	14	000.000.000																																											
15	000.000.000	16	000.000.000																																											
17	000.000.000	18	000.000.000																																											
19	000.000.000	20	000.000.000																																											
2	QLBH Tử vong do Tai nạn đối với Bên mua bảo hiểm	Không chấp nhận bảo hiểm																																												

STT	QUYỀN LỢI (QL)	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI
	QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ	
3	Quyền lợi Đáo hạn Điều kiện nhận QL: Người được bảo hiểm sống đến hết ngày kết thúc Thời hạn hợp đồng.	
	Quyền lợi Đáo hạn trong trường hợp Hợp đồng thỏa mãn cam kết đặc biệt Điều kiện nhận cam kết đặc biệt: tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng cho tới khi kết thúc Thời hạn hợp đồng, Hợp đồng thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi kỳ đóng phí bảo hiểm trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng được đóng đầy đủ trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm và trước khi kết thúc Thời hạn hợp đồng, (ii) chưa từng bị chấm dứt hiệu lực, (iii) chưa từng rút một phần Giá trị Tài khoản Cơ bản.	Nhận tổng các giá trị xác định tại (i) và (ii) dưới đây: (i) Giá trị lớn hơn giữa: a) Giá trị Tài Khoản Cơ bản. b) Tổng Phí bảo hiểm cơ bản đã đóng (không có lãi), trừ đi: - Quyền lợi Thưởng học vấn đã phát sinh (nếu có); - Tổng Phí phụ trội tính trên Phí rủi ro (nếu có). (ii) Giá trị Tài khoản Đóng thêm.
	Quyền lợi Đáo hạn trong trường hợp Hợp đồng không thỏa mãn cam kết đặc biệt	Nhận Giá trị Tài khoản Hợp đồng.
	QUYỀN LỢI THƯỞNG	
4	Quyền lợi Thưởng học vấn Quyền lợi được trả vào Giá trị Tài khoản Đóng thêm vào các Ngày kỷ niệm hợp đồng khi Người được bảo hiểm đạt độ tuổi theo quy định. Điều kiện nhận QL: tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng cho tới Ngày kỷ niệm hợp đồng xét thưởng, Hợp đồng thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm: (i) đã duy trì hiệu lực liên tục tối thiểu 04 năm, (ii) Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi kỳ đóng phí bảo hiểm được	

STT	QUYỀN LỢI (QL)	GIÁ TRỊ QUYỀN LỢI	
	đóng đầy đủ trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm và trước Ngày kỷ niệm hợp đồng phát sinh quyền lợi, (iii) chưa từng bị chấm dứt hiệu lực, (iv) chưa từng rút một phần Giá trị Tài khoản Cơ bản.	22	10%
5	Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản Quyền lợi được trả vào Giá trị Tài khoản Cơ bản tại thời điểm kết thúc Thời hạn hợp đồng. Điều kiện nhận QL: tính từ Ngày hiệu lực hợp đồng cho tới khi kết thúc Thời hạn hợp đồng, Hợp đồng thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm: (i) Phí bảo hiểm cơ bản của mỗi kỳ đóng phí bảo hiểm trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng được đóng đầy đủ trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm và trước khi kết thúc Thời hạn hợp đồng, (ii) chưa từng bị chấm dứt hiệu lực, (iii) chưa từng rút một phần Giá trị Tài khoản Cơ bản.	X% của Giá trị Tài khoản Cơ bản tại thời điểm kết thúc Thời hạn hợp đồng.	
6	Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm Quyền lợi được trả vào Giá trị Tài khoản Đóng thêm tại thời điểm kết thúc Thời hạn hợp đồng. Điều kiện nhận QL: Hợp đồng đáp ứng tất cả điều kiện nhận Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản; và tại bất kỳ thời điểm nào, tổng số tiền đã rút lũy kế từ Giá trị Tài khoản Đóng thêm không vượt quá tổng giá trị gốc (không bao gồm lãi) của Quyền lợi Thưởng học vấn đã phát sinh tính đến thời điểm đó.	X% của Giá trị Tài khoản Đóng thêm trung bình trong toàn bộ Thời hạn hợp đồng.	

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BÁN KÈM

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21)	Bệnh ung thư giai đoạn đầu	25% STBH (tối đa 500 triệu đồng).
	Bệnh ung thư giai đoạn cuối	100% STBH trừ đi Quyền lợi Ung thư giai đoạn đầu đã trả (nếu có).
	Bệnh đột quy	
	Bệnh nhồi máu cơ tim	
Bảo hiểm thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn 2.0 (BV-NR22)	Thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn	Tối đa 100% Số tiền bảo hiểm (theo “Danh mục thương tật bộ phận vĩnh viễn do tai nạn”).
Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23)	Tử vong do tai nạn hoặc thương tật nghiêm trọng do tai nạn	- Tử vong do tai nạn: 200% Số tiền bảo hiểm nếu tử vong do tai nạn khi là hành khách đang đi trên các chuyến bay thương mại hoặc 100% Số tiền bảo hiểm nếu tử vong do các trường hợp tai nạn khác theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản. - Thương tật nghiêm trọng do tai nạn: 100% Số tiền bảo hiểm.
Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do tử vong (BV-NR24)	Tử vong	Hỗ trợ đóng Phí bảo hiểm định kỳ/Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ của Sản phẩm chính kể từ ngày đến hạn đóng phí tiếp theo cho đến hết Thời hạn bảo hiểm của Sản phẩm này hoặc đến khi Sản phẩm chính chấm dứt hiệu lực, tùy thuộc thời điểm nào xảy ra trước.
Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25)	Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu	25% Số tiền bảo hiểm (tối đa 500 triệu đồng) cho mỗi bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu. Chi trả tối đa cho 02 bệnh lý thuộc các nhóm bệnh lý nghiêm trọng khác nhau trong toàn bộ thời gian có hiệu lực của sản phẩm, bao gồm cả thời

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
		gian tái tục. Chi trả tối đa một bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu cho mỗi Nhóm bệnh.
	Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối	Chi trả theo một trong ba trường hợp sau đây, tùy trường hợp nào xảy ra trước: a) 100% Số tiền bảo hiểm trong trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối (áp dụng cho tất cả độ tuổi được bảo hiểm); b) 100% Số tiền bảo hiểm trong trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng trẻ em giai đoạn cuối (áp dụng cho trẻ em từ 0 tuổi đến 17 tuổi); c) 125% Số tiền bảo hiểm trong trường hợp mắc Bệnh lý nghiêm trọng theo giới tính giai đoạn cuối (áp dụng cho tất cả độ tuổi được bảo hiểm); trừ đi Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu và Quyền lợi bảo hiểm Nằm viện đặc biệt đã chi trả (nếu có).
	Nằm viện đặc biệt do Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu: - Điều trị nội trú liên tục từ 21 Ngày nằm viện trở lên; hoặc - Điều trị nội trú liên tục tại khoa Hồi sức tích cực (ICU) từ 10 Ngày nằm viện trở lên.	10% Số tiền bảo hiểm (tối đa 100 triệu đồng).
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Điều trị Nội trú (BV-NR26)	Điều trị Nội trú thuộc phạm vi bảo hiểm	- Quyền lợi Điều trị Nội trú, Điều trị Ngoại trú, Nha khoa, Thai sản: Bảo Việt Nhân thọ trả Chi phí y tế thực tế nhưng không vượt quá các giới hạn quy định tại Quy tắc, Điều khoản tương ứng với 5 Chương trình bảo hiểm Bạc, Vàng, Bạch Kim, Kim
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Điều trị Ngoại trú (BV-NR26)	Điều trị Ngoại trú thuộc phạm vi bảo hiểm	
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Nha khoa (BV-NR26)	Nha khoa thuộc phạm vi bảo hiểm	

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Thai sản (BV-NR26)	Thai sản thuộc phạm vi bảo hiểm	Cương, Lục Bảo. Áp dụng tỉ lệ Đồng chi trả theo Bảng quyền lợi chi tiết. - Quyền lợi gia tăng hạn mức Điều trị Nội trú do Tai nạn: Khi Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Điều trị Nội trú trong một Năm hiệu lực đã được chi trả hết, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tăng thêm 100% Giới hạn bảo hiểm tối đa theo năm của Quyền lợi Điều trị Nội trú mà Người được bảo hiểm đang tham gia nếu Người được bảo hiểm phải Điều trị Nội trú do Tai nạn. Quyền lợi này được kích hoạt một lần duy nhất cho mỗi Năm hiệu lực và Bảo Việt Nhân thọ chi trả 50% Chi phí y tế thực tế.
Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm (BV-NR27)	Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm khi mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối	Hỗ trợ đóng Phí bảo hiểm định kỳ/Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm) của Sản phẩm chính kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm tiếp theo cho đến hết Thời hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm này hoặc đến khi Sản phẩm chính chấm dứt hiệu lực, tùy thuộc thời điểm nào xảy ra trước.
	Hỗ trợ tài chính khi mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu hoặc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối	100% Phí bảo hiểm định kỳ năm/Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm) của Sản phẩm chính mà sản phẩm này được bán kèm.
Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28)	Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm khi mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối	Hỗ trợ đóng Phí bảo hiểm định kỳ/Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm) của Sản phẩm chính kể từ ngày đến hạn đóng phí bảo hiểm tiếp theo cho đến hết Thời

Sản phẩm	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
		hạn hỗ trợ đóng phí bảo hiểm của Sản phẩm này hoặc đến khi Sản phẩm chính chấm dứt hiệu lực, tùy thuộc thời điểm nào xảy ra trước.
	Hỗ trợ tài chính khi mắc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn đầu hoặc Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn cuối	100% Phí bảo hiểm định kỳ năm/Phí bảo hiểm cơ bản định kỳ năm (không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm) của Sản phẩm chính mà sản phẩm này được bán kèm.
Bảo hiểm Trợ cấp viện phí và phẫu thuật (BV-NR29)	Trợ cấp viện phí cơ bản	01 lần Số tiền bảo hiểm cho mỗi Ngày nằm viện.
	Trợ cấp viện phí đặc biệt	02 lần Số tiền bảo hiểm cho mỗi Ngày nằm viện tại Khoa Hồi sức tích cực (ICU).
	Trợ cấp phẫu thuật cơ bản	05 lần Số tiền bảo hiểm/Phẫu thuật.
	Trợ cấp phẫu thuật đặc biệt	10 lần Số tiền bảo hiểm/Phẫu thuật đặc biệt.
	Hỗ trợ chi phí vận chuyển cấp cứu	02 lần Số tiền bảo hiểm/lần, tối đa 1.000.000 đồng.

Ghi chú:

- Trường hợp Người được bảo hiểm chưa đến sinh nhật lần thứ 04, có thể áp dụng tỷ lệ chi trả riêng theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.
- Chi tiết về quyền lợi bảo hiểm, điều kiện nhận quyền lợi, hạn mức chi trả tối đa, thời gian không chi trả quyền lợi bảo hiểm và các nội dung khác được quy định tại Quy tắc, Điều khoản của (các) sản phẩm bảo hiểm.
- Chi tiết về các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của Sản phẩm BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC được quy định cụ thể tại Điều 6 trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của (các) Sản phẩm khác được quy định cụ thể trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm tương ứng.

BẢNG QUYỀN LỢI CHI TIẾT CỦA BẢO HIỂM CHĂM SÓC SỨC KHỎE TOÀN DIỆN (BV-NR26)

A. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NỘI TRÚ (quyền lợi mặc định tham gia)

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chương trình bảo hiểm		Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
Phạm vi địa lý		Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Đông Nam Á
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Điều trị Nội trú (I+ II +III+IV)		150 triệu/năm	250 triệu/năm	500 triệu/năm	1 tỷ/năm	2 tỷ/năm
Đồng chi trả Quyền lợi Điều trị Nội trú		Người được bảo hiểm từ 0 đến 4 tuổi: Bên mua bảo hiểm tự chi trả 20% Chi phí y tế thực tế. Người được bảo hiểm từ 5 tuổi trở lên: Bên mua bảo hiểm tự chi trả 0% Chi phí y tế thực tế.				
Các Giới hạn phụ như sau:						
I. Điều trị Nội trú (giới hạn cho mỗi Đợt điều trị)	Điều trị có Phẫu thuật	60 triệu/đợt	120 triệu/đợt	250 triệu/đợt	400 triệu/đợt	800 triệu/đợt
	Điều trị không có Phẫu thuật	30 triệu/đợt	60 triệu/đợt	125 triệu/đợt	200 triệu/đợt	400 triệu/đợt
Giới hạn phụ trong Phần I		Được chi trả theo Giới hạn phụ của từng mục từ Mục 1 đến Mục 8 dưới đây				
1. Chi phí Phòng và Giường (Tối đa 60 ngày/năm)		750 nghìn/ngày	1,25 triệu/ngày	2,5 triệu/ngày	5 triệu/ngày	10 triệu/ngày
2. Chi phí Phòng và Giường ở Khoa Hồi sức tích cực (ICU)		Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
(Tối đa 30 ngày/năm)					
3. Chi phí Phẫu thuật	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế
4. Chi phí Điều trị trước khi nhập viện (1 lần gần nhất trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế
5. Chi phí Điều trị sau khi xuất viện (1 lần gần nhất trong vòng 60 ngày sau khi xuất viện)	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế
6. Chi phí Giường dành cho người chăm sóc, áp dụng khi Người được bảo hiểm dưới 18 tuổi (Tối đa 30 ngày/năm)	300 nghìn/ngày	500 nghìn/ngày	700 nghìn/ngày	1 triệu/ngày	2 triệu/ngày
7. Chi phí y tế nội trú khác	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế
8. Chi phí Điều trị Nội trú tổn thương răng do Tai nạn	1,5 triệu/năm	2 triệu/năm	4 triệu/năm	6 triệu/năm	8 triệu/năm
II. Điều trị ung thư					
1. Chi phí Điều trị Nội trú	Được áp dụng và tính chung trong giới hạn của Phần I và Giới hạn phụ của các mục 1, 2, 4, 5, 6, 7 trong Phần I nêu trên.				
2. Chi phí Điều trị ung thư	Theo giới hạn tối đa của Quyền lợi Điều trị Nội trú.				

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
	Các phương pháp điều trị bao gồm: hóa trị, xạ trị, liệu pháp trúng đích, liệu pháp miễn dịch, liệu pháp nội tiết (hormone), phẫu thuật điều trị ung thư. Loại trừ: liệu pháp nội tiết (hormone) để phòng ngừa ung thư, xạ trị bằng chùm proton.				
III. Cấy ghép nội tạng (thận, tim, gan, phổi, tụy và tủy xương)					
1. Chi phí cho người nhận tạng (là Người được bảo hiểm)					
a) Chi phí Điều trị Nội trú	Được áp dụng và tính chung trong giới hạn của Phần I và Giới hạn phụ của các mục 1, 2, 4, 5, 6, 7 trong Phần I nêu trên.				
b) Chi phí Phẫu thuật	Theo giới hạn tối đa của Quyền lợi Điều trị Nội trú.				
2. Chi phí cho người hiến tạng (không phải là Người được bảo hiểm)					
Chi phí Phẫu thuật	50% Chi phí Phẫu thuật, không vượt quá giới hạn tối đa của Quyền lợi Điều trị Nội trú.				
IV. Điều trị Ngoại trú và Điều trị trong ngày đặc biệt					
1. Chi phí chạy thận nhân tạo định kỳ	3 triệu/năm	7 triệu/năm	12 triệu/năm	15 triệu/năm	30 triệu/năm
2. Chi phí vận chuyển cấp cứu	1,5 triệu/năm	2 triệu/năm	4 triệu/năm	6 triệu/năm	8 triệu/năm
3. Chi phí Điều trị trong ngày: - Tại khoa cấp cứu (bao gồm cả điều trị Nha khoa trong ngày do Tai nạn);	4 triệu/năm	6 triệu/năm	12 triệu/năm	20 triệu/năm	30 triệu/năm

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
- Do các bệnh: sốt xuất huyết, cúm, viêm phổi, Bệnh liên quan đến phế quản.					
4. Chi phí Phẫu thuật trong ngày	15 triệu/ngày	30 triệu/ngày	60 triệu/ngày	100 triệu/ngày	200 triệu/ngày

Quyền lợi gia tăng hạn mức Điều trị Nội trú do Tai nạn: Khi Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Điều trị Nội trú trong một Năm hiệu lực đã được chi trả hết, Bảo Việt Nhân thọ sẽ tăng thêm 100% Giới hạn bảo hiểm tối đa theo năm của Quyền lợi Điều trị Nội trú mà Người được bảo hiểm đang tham gia nếu Người được bảo hiểm phải Điều trị Nội trú do Tai nạn. Quyền lợi này được kích hoạt một lần duy nhất cho mỗi Năm hiệu lực và Bảo Việt Nhân thọ chi trả 50% Chi phí y tế thực tế.

B. QUYỀN LỢI ĐIỀU TRỊ NGOẠI TRÚ *(quyền lợi tùy chọn)*

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
Phạm vi địa lý	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Điều trị Ngoại trú	Không áp dụng	10 triệu/năm	20 triệu/năm	40 triệu/năm	80 triệu/năm
Đồng chi trả Quyền lợi Điều trị Ngoại trú	Không áp dụng	Bên mua bảo hiểm tự chi trả 20% Chi phí y tế thực tế.			
Các Giới hạn phụ như sau:					
	Không áp dụng	1 triệu/lần	2 triệu/lần	4 triệu/lần	8 triệu/lần

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
I. Giới hạn cho mỗi Lần khám, điều trị Bao gồm: - Khám bệnh; - Thuốc điều trị; - Các kỹ thuật chẩn đoán. Không bao gồm: - Chi phí Điều trị ung thư (tất cả các phương pháp điều trị); - Chi phí chạy thận nhân tạo định kỳ; - Vật lý trị liệu.		Giới hạn: 10 lần khám/năm.			
II. Vật lý trị liệu (01 đợt/năm)		1 triệu/năm	2 triệu/năm	4 triệu/năm	8 triệu/năm

C. QUYỀN LỢI NHA KHOA (quyền lợi tùy chọn)

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
Phạm vi địa lý	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Nha khoa	Không áp dụng	3 triệu/năm	5 triệu/năm	10 triệu/năm	20 triệu/năm

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
Đồng chi trả Quyền lợi Nha khoa	Không áp dụng	Bên mua bảo hiểm tự chi trả 20% Chi phí y tế thực tế.			
Các Giới hạn phụ như sau:					
I. Điều trị Nha khoa	Không áp dụng	1 triệu/lần	2 triệu/lần	3 triệu/lần	6 triệu/lần
II. Lấy cao răng (01 lần/năm)		500 nghìn/lần	700 nghìn/lần	1 triệu/lần	2 triệu/lần
III. Mão răng và cầu răng		Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế

D. QUYỀN LỢI THAI SẢN *(quyền lợi tùy chọn)*

Đơn vị: Đồng Việt Nam

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
Phạm vi địa lý	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam	Việt Nam
Giới hạn bảo hiểm tối đa cho Quyền lợi Thai sản	Không áp dụng	15 triệu/năm	30 triệu/năm	50 triệu/năm	100 triệu/năm
Đồng chi trả Quyền lợi Thai sản	Không áp dụng	Bên mua bảo hiểm tự chi trả 20% Chi phí y tế thực tế.			
Các Giới hạn phụ như sau:					
I. Chi phí sinh thường	Không áp dụng	10 triệu/năm	20 triệu/năm	30 triệu/năm	60 triệu/năm

Chương trình bảo hiểm	Bạc	Vàng	Bạch Kim	Kim Cương	Lục Bảo
II. Chi phí sinh mổ		15 triệu/năm	30 triệu/năm	50 triệu/năm	100 triệu/năm
III. Chi phí điều trị Biến chứng thai sản		15 triệu/năm	30 triệu/năm	50 triệu/năm	100 triệu/năm
Giới hạn Phần IV, V sau đây được tính chung trong giới hạn của Phần I, II, III nêu trên.					
IV. Chi phí Phòng và Giường <i>(Tối đa 30 ngày/năm cho tổng Quyền lợi Thai sản)</i>	Không áp dụng	1,25 triệu/ngày	2,5 triệu/ngày	5 triệu/ngày	10 triệu/ngày
V. Chi phí Phòng và Giường tại Khoa Hồi sức tích cực (ICU) <i>(Tối đa 15 ngày/năm cho tổng Quyền lợi Thai sản)</i>		Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế	Chi phí y tế thực tế

CÁC LOẠI PHÍ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC

1. **Phí ban đầu:** Là khoản phí được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của doanh nghiệp bảo hiểm. Phí ban đầu được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) phí bảo hiểm khi Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm. Phần phí bảo hiểm sau khi khấu trừ phần Phí ban đầu là phần Phí bảo hiểm đem đi đầu tư và được phân bổ vào Quỹ liên kết chung.

Thời hạn hợp đồng	Năm đóng phí của Phí bảo hiểm cơ bản							
	1	2	Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	6	7	8	Từ năm thứ 9 đến năm thứ 10	Từ năm thứ 11 trở đi
10 năm	50%	30%	20%	0%	0%	0%	0%	0%
11 năm	50%	30%	20%	2%	0%	0%	0%	0%
12 năm	50%	30%	20%	2%	2%	0%	0%	0%
13 năm	50%	30%	20%	2%	2%	2%	0%	0%
Từ 14 năm đến 20 năm	50%	30%	20%	2%	2%	2%	2%	0%

Năm hợp đồng	Từ năm thứ 1 đến năm thứ 10	Từ năm thứ 11 trở đi
Tỷ lệ Phí ban đầu trên Phí bảo hiểm đóng thêm (%)	1,5%	0%

2. **Phí rủi ro:** Là khoản phí được dùng để chi trả các quyền lợi bảo hiểm rủi ro theo cam kết tại hợp đồng bảo hiểm. Phí rủi ro được khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Cơ bản. Nếu Giá trị Tài khoản Cơ bản không đủ để khấu trừ, phần Phí rủi ro còn lại sẽ được tiếp tục khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Đóng thêm (nếu có).
3. **Phí quản lý hợp đồng:** 30.000 đồng/tháng vào năm 2026 và sẽ tự động tăng 1.000 đồng sau mỗi 01 năm dương lịch sau đó nhưng tối đa không quá 70.000 đồng/tháng.

Năm dương lịch	2026	2027	2028	...	2045
Phí quản lý hợp đồng (đồng/tháng)	30.000	31.000	32.000		49.000

Phí quản lý hợp đồng được khấu trừ hàng tháng từ Giá trị Tài khoản Cơ bản. Nếu Giá trị Tài khoản Cơ bản không đủ để khấu trừ, phần Phí quản lý hợp đồng còn lại sẽ được tiếp tục khấu trừ từ Giá trị Tài khoản Đóng thêm (nếu có).

4. **Phí quản lý quỹ liên kết chung:** tối đa 2%/năm tính trên giá trị Quỹ liên kết chung. Phí quản lý quỹ liên kết chung không cao hơn Lãi suất công bố.

5. **Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** là khoản phí được dùng để bù đắp các khoản chi phí hợp lý có liên quan đến việc Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn.

Đối với Tài khoản Cơ bản: bằng tỷ lệ phần trăm (%) của Phí bảo hiểm cơ bản quy năm như sau:

Năm hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ năm thứ 6 trở đi
Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn (% Phí bảo hiểm cơ bản quy năm)	100%	80%	45%	40%	20%	0%

Đối với Tài khoản Đóng thêm: Miễn Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC

Chính sách đầu tư của Quỹ liên kết chung

Quỹ liên kết chung thực hiện đầu tư với mục tiêu cân bằng giữa thu nhập ổn định và sự tăng trưởng vốn trung và dài hạn, chấp nhận rủi ro ở mức trung bình thấp đến trung bình. Chi tiết xem tại Chương V của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

Quỹ liên kết chung của Bảo Việt Nhân thọ được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ Bảo Việt.

Lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị Tài khoản đảm bảo cho toàn thời gian Hợp đồng có hiệu lực

Lãi suất cam kết tối thiểu:

Bảo Việt Nhân thọ cam kết lãi suất đầu tư mà Hợp đồng được hưởng mỗi Năm hợp đồng sẽ không thấp hơn mức Lãi suất cam kết tối thiểu sau:

Năm hợp đồng	Lãi suất cam kết tối thiểu(%/năm)
Năm thứ 01	2,5%
Năm thứ 02	2,0%
Năm thứ 03	1,5%
Từ Năm thứ 04 đến Năm thứ 10	1,0%
Từ Năm thứ 11 trở đi	0,5%

Giá trị Tài khoản đảm bảo cho toàn thời gian Hợp đồng có hiệu lực:

Tại ngày Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, Bảo Việt Nhân thọ sẽ đánh giá lại Giá trị Tài khoản Hợp đồng (GTTKHĐ):

- Nếu GTTKHĐ xác định tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực bằng hoặc cao hơn Giá trị Tài khoản (GTTK) đảm bảo: GTTKHĐ sẽ được giữ nguyên.
- Nếu GTTKHĐ xác định tại thời điểm Hợp đồng chấm dứt hiệu lực thấp hơn GTTK đảm bảo: GTTKHĐ sẽ được điều chỉnh tăng lên bằng GTTK đảm bảo.

Trong đó:

+ GTTK đảm bảo bằng tổng của GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu và tổng Lãi gia tăng đầu tư đã phát sinh được tích lũy theo Lãi suất cam kết tối thiểu.

+ Lãi gia tăng đầu tư phát sinh tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng được xác định bằng GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu tại cuối Năm hợp đồng (HĐ) liền trước nhân với Tỷ lệ lãi suất cam kết gia tăng tương ứng với Ngày kỷ niệm hợp đồng đó theo quy định dưới đây. Trong mọi trường hợp Lãi gia tăng đầu tư không nhỏ hơn 0.

Thời điểm phát sinh lãi gia tăng đầu tư	Tỷ lệ lãi suất cam kết gia tăng (%)
Tại Ngày kỷ niệm hợp đồng thứ 01	2,0%
Tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng từ thứ 02 đến thứ 03	1,5%
Tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng từ thứ 04 đến thứ 10	1,25%
Tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng từ thứ 11 đến thứ 15	1,00%
Tại mỗi Ngày kỷ niệm hợp đồng từ thứ 16 đến thứ 20	0,25%

Lãi suất công bố trong 05 năm gần nhất:

Quỹ liên kết chung	2021	2022	2023	2024	2025
Lãi suất công bố trung bình	4,58%	4,75%	4,92%	4,78%	4,79%
Phí quản lý quỹ liên kết chung trung bình dùng để tính lãi suất công bố	1,28%	0,68%	1,42%	0,90%	0,51%

**MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM
SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC**

Đơn vị: **ngàn đồng**

1. Trường hợp đóng đầy đủ phí bảo hiểm theo Thời hạn đóng phí bảo hiểm dự kiến
1.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng với Tài khoản Cơ bản	Phí rủi ro		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Phí ban đầu với phí bảo hiểm cơ bản	Phí ban đầu với phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư			Lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/ năm	Lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/n ăm	Lãi suất cam kết tối thiểu
1/2														
2/3														
3/4														
4/5														
5/6														
6/7														
7/8														
8/9														
9/10														
10/11														
11/12														
12/13														
13/14														
14/15														
15/16														
16/17														
17/18														

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng với Tài khoản Cơ bản	Phí rủi ro		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Phí ban đầu với phí bảo hiểm cơ bản	Phí ban đầu với phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư			Lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/ năm	Lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/n ăm	Lãi suất cam kết tối thiểu
18/19														
19/20														
20/21														
Tổng Phí phụ trội tính trên Phí rủi ro												000	000	000

1.2. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại sản phẩm bảo hiểm

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)						Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/2														
2/3														
3/4														
4/5														
5/6														
6/7														
7/8														
8/9														
9/10														
10/11														
11/12														
12/13														
13/14														
14/15														
15/16														
16/17														
17/18														
18/19														
19/20							(*)							
20/21													(*)	

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)						Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản			000.000.000.000						000.000.000.000					
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm			000.000.000.000						000.000.000.000					
Giá trị Tài khoản Hợp đồng bao gồm (các) Quyền lợi Thưởng đáo hạn			000.000.000.000						000.000.000.000					
Quyền lợi Đáo hạn			000.000.000.000						000.000.000.000					

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị Tài khoản đảm bảo (Giá trị đảm bảo)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/2								
2/3								
3/4								
4/5								
5/6								
6/7								

Năm HĐ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị Tài khoản đảm bảo (Giá trị đảm bảo)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thưởng học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
7/8								
8/9								
9/10								
10/11								
11/12								
12/13								
13/14							(*)	
14/15								
15/16								
16/17								
17/18								
18/19								
19/20								
20/21								
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản			000.000.000.000					
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm			000.000.000.000					
Giá trị Tài khoản Hợp đồng bao gồm (các) Quyền lợi Thưởng đáo hạn			000.000.000.000					
Quyền lợi Đáo hạn			000.000.000.000					

(*) Giá trị Tài khoản Hợp đồng sau khi trừ đi Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.

Trường hợp đóng đầy đủ phí bảo hiểm theo Thời hạn đóng phí bảo hiểm dự kiến: Tổng Phí bảo hiểm đóng: 000.000.000 đồng.
Trong đó: Phí bảo hiểm cơ bản: 000.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 000.000.000 đồng.

2. Trường hợp đóng phí trong Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc (04 Năm hợp đồng đầu tiên)

2.1. Minh họa về các khoản phí tính cho khách hàng

Năm HĐ/ Tuổi	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm đem đi đầu tư			Phí quản lý hợp đồng	Phí chấm dứt hợp đồng với Tài khoản Cơ bản	Phí rủi ro		
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Phí ban đầu với phí bảo hiểm cơ bản	Phí ban đầu với phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư			Lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/n ăm	Lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/n ăm	Lãi suất cam kết tối thiểu
1/2														
2/3														
3/4														
4/5														
5/6														
6/7														
7/8														
8/9														
9/10														
10/11														
11/12														
12/13														
13/14														
14/15														
15/16														
16/17														
17/18														
18/19														
19/20														
20/21														
Tổng Phí phụ trội tính trên Phí rủi ro												000	000	000

2.2. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại sản phẩm bảo hiểm

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)						Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/2														
2/3														
3/4														
4/5														
5/6														
6/7														
7/8														
8/9														
9/10														
10/11														
11/12														
12/13												(*)		
13/14						(*)								
14/15														
15/16														
16/17														
17/18														
18/19														
19/20														
20/21														

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate1>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)						Minh họa với lãi suất đầu tư dự kiến <rate2>%/năm (Giá trị thực tế tùy thuộc kết quả đầu tư)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại	QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
Quyền lợi Thường đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản			000.000.000.000						000.000.000.000					
Quyền lợi Thường đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm			000.000.000.000						000.000.000.000					
Giá trị Tài khoản Hợp đồng bao gồm (các) Quyền lợi Thường đáo hạn			000.000.000.000						000.000.000.000					
Quyền lợi Đáo hạn			000.000.000.000						000.000.000.000					

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị Tài khoản đảm bảo (Giá trị đảm bảo)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
1/2								
2/3								
3/4								
4/5								
5/6								
6/7								
7/8								
8/9								

Năm HĐ/ Tuổi	Tổng phí bảo hiểm lũy kế	Tổng phí bảo hiểm lũy kế đem đi đầu tư	Minh họa với lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị Tài khoản đảm bảo (Giá trị đảm bảo)					
			QLBH Tử vong đối với Người được bảo hiểm	QL Thường học vấn	Giá trị Tài khoản Cơ bản	Giá trị Tài khoản Đóng thêm	Giá trị Tài khoản HĐ	Giá trị hoàn lại
9/10								
10/11							(*)	
11/12								
12/13								
13/14								
14/15								
15/16								
16/17								
17/18								
18/19								
19/20								
20/21								
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản			000.000.000.000					
Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm			000.000.000.000					
Giá trị Tài khoản Hợp đồng bao gồm (các) Quyền lợi Thưởng đáo hạn			000.000.000.000					
Quyền lợi Đáo hạn			000.000.000.000					

(*) Giá trị Tài khoản Hợp đồng sau khi trừ đi Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 0.

Trường hợp đóng phí trong Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc (04 Năm hợp đồng đầu tiên): Tổng Phí bảo hiểm đóng: 000.000.000 đồng.
Trong đó: Phí bảo hiểm cơ bản: 000.000.000 đồng, Phí bảo hiểm đóng thêm: 000.000.000 đồng.

Ghi chú:

- *Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, thời điểm đóng phí thực tế, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm phù hợp với quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm, do vậy Giá trị Tài khoản Hợp đồng thực tế tại từng thời điểm có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa này.*
- *Các mức giá trị tính toán với Lãi suất đầu tư dự kiến thể hiện trong tài liệu này là giá trị không đảm bảo và chỉ mang tính tham khảo. Lãi suất thực tế có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung.*
- *Các mức giá trị tính toán với Lãi suất cam kết tối thiểu và Giá trị tài khoản đảm bảo thể hiện trong tài liệu này là giá trị đảm bảo nếu Bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn và không có yêu cầu thay đổi nào ảnh hưởng đến Giá trị Tài khoản Hợp đồng.*
- *Đối với các quyền lợi được đảm bảo trong bảng nêu trên: (i) GTTKHĐ là Giá trị tài khoản đảm bảo cho toàn thời gian Hợp đồng có hiệu lực, được tính bằng GTTKHĐ tính theo Lãi suất cam kết tối thiểu cộng với tổng lũy tích theo Lãi suất cam kết tối thiểu của Lãi gia tăng đầu tư đã phát sinh; (ii) Giá trị hoàn lại, Quyền lợi bảo hiểm Tử vong được tính trên cơ sở GTTKHĐ đảm bảo nêu trên.*
- *Số liệu về Quyền lợi bảo hiểm tử vong, Giá trị Tài khoản Hợp đồng và Giá trị hoàn lại nêu trên được xác định tại cuối Năm hợp đồng.*
- *Số liệu về Quyền lợi Thưởng học vấn nêu trên được xác định tại đầu Năm hợp đồng.*
- *Quyền lợi Thưởng học vấn, Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản, và Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm được minh họa với giả định Hợp đồng thỏa mãn đầy đủ tất cả các điều kiện nhận thưởng.*
- *Giá trị Tài khoản Hợp đồng tại mỗi Năm hợp đồng trong bảng trên chưa bao gồm Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Cơ bản và Quyền lợi Thưởng đáo hạn đối với Tài khoản Đóng thêm (nếu có).*
- *Giá trị hoàn lại là số tiền Quý khách nhận được (nếu có) khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực theo các quy định tương ứng trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm. Giá trị hoàn lại được xác định bằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn.*
- *Việc tham gia Hợp đồng bảo hiểm bảo hiểm là một cam kết dài hạn, do vậy việc Bên mua bảo hiểm chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước thời hạn có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản Phí bảo hiểm đã đóng.*
- *Phí rủi ro của sản phẩm BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm có đủ điều kiện được chấp nhận bảo hiểm phí chuẩn theo các quy định về đánh giá rủi ro của Bảo Việt Nhân thọ.*
- *Phí rủi ro của sản phẩm BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG AN SINH GIÁO DỤC trong bảng trên được xác định cho Người được bảo hiểm trên cơ sở kết quả đánh giá rủi ro đối với hồ sơ yêu cầu bảo hiểm của Quý khách theo quy định của Bảo Việt Nhân thọ.*

- Những số liệu trong Tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa theo nhu cầu, thông tin Quý khách cung cấp và dựa trên giả định rằng Phí bảo hiểm được đóng đầy đủ, đúng hạn theo định kỳ đóng phí bảo hiểm mà Quý khách lựa chọn và trong thời hạn bảo hiểm không có yêu cầu nào của Quý khách làm thay đổi những số liệu trên.
- Trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm có Khoản nợ, Khoản nợ sẽ được khấu trừ từ các khoản Phí bảo hiểm được đóng (sau khi trừ Phí ban đầu) hoặc các quyền lợi bảo hiểm trả vào Giá trị Tài khoản Hợp đồng.
- Các thông tin khác:
 - + Quý khách có thể tham khảo Quy tắc, Điều khoản của sản phẩm và truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại www.baovietnhantho.com.vn.
 - + Quý khách có thể tham khảo các thông tin/báo cáo về sản phẩm và Báo cáo thường niên của Quỹ liên kết chung theo địa chỉ www.baovietnhantho.com.vn/tin-tuc/danh-muc/bao-cau-thuong-nien.

PHÍ BẢO HIỂM TÁI TỤC CỦA CÁC SẢN PHẨM BÁN KÈM

Sản phẩm: Bảo hiểm Bệnh nan y (BV-NR21)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B
Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm tử vong và thương tật nghiêm trọng do tai nạn (BV-NR23)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A
Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
0	000.000	18-29	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B
Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng
Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
0	000.000	18-29	000.000

1	000.000	30-39	000.000
2	000.000	40-49	000.000
3	000.000	50-59	000.000
4-17	000.000	60-69	000.000

1	000.000	30-39	000.000
2	000.000	40-49	000.000
3	000.000	50-59	000.000
4-17	000.000	60-69	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng toàn diện (BV-NR25)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Điều trị Nội trú (BV-NR26)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Chương trình: Bạch kim

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06
------	--	------	--

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Chương trình: Vàng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06
------	--	------	--

tháng/ năm (đồng)		tháng/ năm (đồng)		tháng/ năm (đồng)		tháng/ năm (đồng)	
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Điều trị Ngoại trú (BV-NR26)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Chương trình: **Bạch kim**

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Chương trình: **Vàng**

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Nha khoa (BV-NR26)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Chương trình: **Bạch kim**

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Chương trình: **Vàng**

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000	00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Chăm sóc sức khỏe toàn diện – Quyền lợi Thai sản (BV-NR26)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Chương trình: Bạch kim

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Chương trình: Vàng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Người được bảo hiểm(BV-NR27)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Hỗ trợ đóng phí bảo hiểm do Bệnh lý nghiêm trọng cho Bên mua bảo hiểm và Người hôn phối (BV-NR28)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Sản phẩm: Bảo hiểm Trợ cấp viện phí và phẫu thuật (BV-NR29)

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn A

Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

Người được bảo hiểm: Nguyễn Văn B

Số tiền bảo hiểm: 000.000.000.000 đồng

Tỷ lệ phí phụ trội: 00%

Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)	Tuổi	Phí bảo hiểm định kỳ tháng/ quý/ 06 tháng/ năm (đồng)
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000
00	000.000	00	000.000

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận đã được Tư vấn viên của Bảo Việt Nhân thọ có tên và mã số dưới đây phân tích nhu cầu tài chính và đã được giải thích, tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của tôi một cách đầy đủ, cụ thể, rõ ràng. Tôi xác nhận việc tham gia bảo hiểm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc dưới bất kỳ hình thức nào.
2. Tôi hiểu rằng Giá trị Tài khoản Hợp đồng trên thực tế sẽ phụ thuộc vào kết quả đầu tư của các Quỹ liên kết chung, Phí bảo hiểm thực đóng, thời điểm đóng phí thực tế, số tiền rút ra và các thay đổi liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm phù hợp với quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm, do vậy Giá trị Tài khoản Hợp đồng có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị thể hiện ở Tài liệu minh họa này.
3. Trừ trường hợp đảm bảo duy trì hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên, tôi hiểu rằng Hợp đồng bảo hiểm sẽ mất hiệu lực ngay sau khi kết thúc thời gian gia hạn đóng phí nếu (i) Phí bảo hiểm cơ bản không được đóng đầy đủ và đúng hạn trong 04 Năm hợp đồng đầu tiên; hoặc (ii) Giá trị Tài khoản Hợp đồng trừ đi Khoản nợ (nếu có) nhỏ hơn hoặc bằng 0 (không) đồng, tùy sự kiện nào xảy ra trước.
4. Tôi đã hiểu rõ quyền lợi, nghĩa vụ khi tham gia Hợp đồng bảo hiểm này. Tôi cam kết tuân thủ các quy định tại Hợp đồng bảo hiểm, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí bảo hiểm và kê khai, cung cấp thông tin. Tôi hiểu rằng trường hợp vi phạm nghĩa vụ trên có thể dẫn tới việc Bảo Việt Nhân thọ không chi trả quyền lợi bảo hiểm và/hoặc chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm.
5. Tôi xác nhận đồng ý tham gia Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã đọc kỹ, được tư vấn đầy đủ và hiểu rõ về nội dung Tài liệu minh họa và Quy tắc, Điều khoản của các sản phẩm.

Tôi xác nhận Tài liệu minh họa này sẽ gắn với Giấy yêu cầu bảo hiểm số <application no> thay thế cho các Tài liệu minh họa được tạo, tư vấn cho tôi trước đây. Tôi đồng ý tham gia Hợp đồng bảo hiểm sau khi đã đọc kỹ, được tư vấn đầy đủ và hiểu rõ về nội dung Tài liệu minh họa và Quy tắc, Điều khoản của các sản phẩm.

XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN (ĐẠI LÝ BẢO HIỂM)

Tôi, Tư vấn viên (Đại lý bảo hiểm), xác nhận đã phân tích nhu cầu tài chính đồng thời tư vấn giải pháp bảo hiểm phù hợp với nhu cầu của Quý khách hàng có tên nêu trên. Tôi xác nhận đã giải thích rõ ràng, đầy đủ, trung thực cho Quý khách hàng về nội dung Tài liệu minh họa, Quy tắc, Điều khoản của các Sản phẩm. Ngoài ra, tôi xác nhận không ép buộc Quý khách hàng tham gia bảo hiểm dưới bất kỳ hình thức nào.

Ngày ____ tháng ____ năm 20____ (Đại diện) Bên mua bảo hiểm (ký và ghi rõ họ tên)	Ngày ____ tháng ____ năm 20____ Tư vấn viên (MS:D12345789) (ký và ghi rõ họ tên)
--	---